

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1234/2018/DS-ST

Ngày: 06/9/2018

V/v Tranh chấp thừa kế

và chia tài sản chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Thông

Ông Trần Văn Đông

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Thy Thơ – Thư ký của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Ph Văn Kiên – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 10 tháng 8 năm 2018, ngày 17 tháng 8 năm 2018 ngày 04 tháng 9 năm 2018 và ngày 06 tháng 9 năm 2018 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 328/DSST ngày 13 tháng 10 năm 2015 về tranh chấp thừa kế và chia tài sản chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2775/2018/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 5604/2018/QĐST-DS ngày 20 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông NVP, sinh năm 1957

Cư trú: 129/16 Lô M cư xá VH, đường BVĐ, Phường 6, Quận 4, Thành phố H (có mặt)

Bị đơn: Bà NNS, sinh năm 1957

Địa chỉ: 161G BVĐ, Phường 6, Quận 4, Thành phố H

Đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà NTT, trú tại 161G BVĐ, Phường 6, Quận 4, Thành phố H (Giấy ủy quyền ngày 19/6/2018) (có mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông NVH, sinh năm 1954

Cư trú: 275E PNL, phường PNL, Quận 1, Thành phố H (có mặt)

2. Ông NVN, sinh năm 1959

Cư trú: 08 RPC 75013 P, Cộng hòa P

Đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà NNS, trú tại 161G BVĐ, Phường 6, Quận 4, Thành phố H (Giấy ủy quyền số 388/LS ngày 27/11/2015 – có xác nhận của Tham tán Đại sứ quán CHXHCN Việt Nam tại P) (vắng mặt)

3. Bà NTT, sinh năm 1960

Cư trú: 161G BVĐ, Phường 6, Quận 4, TP H (có mặt)

4. Bà NTN , sinh năm 1962

Cư trú: 161G BVĐ, Phường 6, Quận 4, TP H (có mặt)

5. Bà NTL , sinh năm 1963

Cư trú: 161G BVĐ, Phường 6, Quận 4, TP H

Địa chỉ liên lạc: 102 Lô A, chung cư VH, BVĐ, Phường 6, Quận 4, Thành phố H (có mặt)

6. Ông NTM , sinh năm 1964

Cư trú: 4909 KIDR HTS OH 44143 USA

Đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông NVP, trú tại 129/16 Lô M cư xá Vĩnh Hội, đường Bến Văn Đồn, Phường 6, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền được xác nhận của Tham tán Đại sứ quán CHXHCN Việt Nam tại Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ ngày 17/02/2016) (có mặt)

7. Bà BTTH, sinh năm 1966

Cư trú: 161G BVĐ, Phường 6, Quận 4, TP H (có mặt)

8. Bà BMJ, sinh năm 1949

Cư trú: 20 Bis Bld de S – 94130 MM P

Đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông NVP, trú tại 129/16 Lô M cư xá VH, đường BVĐ, Phường 6, Quận 4, Thành phố H (Giấy ủy quyền – có xác nhận của Bí thư thứ nhất Đại sứ quán CHXHCN Việt Nam tại P ngày 19/11/2015) (có mặt)

9. Ông VHT, sinh năm 1966 (có mặt ngày 10/8, 17/8 và 04/8, vắng mặt ngày 06/8)

10. Ông LVP, sinh năm 1952 (vắng mặt)

Cùng cư trú: 161G BVĐ, Phường 6, Quận 4, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 10/8/2015, Đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 20/3/2017, các bản khai, biên bản lấy lời khai, Tờ trình về di chúc ngày 07/12/2016, Biên bản về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ ngày 19/6/2018, Biên bản hòa giải không thành ngày 19/6/2018, nguyên đơn là ông NVP trình bày là Căn nhà số 161G BVĐ, Phường 6, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh là của cha mẹ ông là ông NVL và bà BTH, cha ông chết vào năm 1977, mẹ ông chết năm 2011, ông bà nội và ông bà ngoại của ông chết trước cha ông.

Trước đây, Căn nhà số 161G BVĐ, Phường 6, Quận 4, Thành phố H của cha mẹ ông có Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số 11086/2001 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/6/2001 và ông giữ giấy chứng nhận này. Sau đó, ông phát hiện căn nhà trên của cha mẹ ông lại có Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở số H00456/2006 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/4/2006 và một Bản di chúc của mẹ ông cho ông NVH phần di sản của bà có công chứng Số 1084 Quyền số 01TP/CC-SCC/CK ngày 22/5/2006 của Phòng Công chứng số 1 Thành phố Hồ Chí Minh. Việc có di chúc nêu trên ông không đồng tình vì

ông không hay biết. Do cha ông chết năm 1977 không có di chúc, nên ½ giá trị căn nhà trên là di sản của cha để lại chưa chia. Ông Ph đồng ý với giá trị căn nhà nêu trên là 6.369.539.358 đồng theo Biên bản định giá ngày 10/11/2017 của Hội đồng định giá.

Ông Ph xác định có 10 người (anh chị em) được hưởng tài sản chung và được chia thừa kế là:

1. Bà BMJ
2. Ông NVH
3. Ông NVP
4. Bà NNS
5. Ông NVN
6. Bà NTT
7. Bà NTN
8. Bà NTL
9. Ông NTM
10. Bà BTTH

Theo Biên bản hòa giải không thành ngày 19/6/2018, ông Ph đã rút yêu cầu Tòa án tuyên Bản di chúc của mẹ ông lập ngày 22/5/2006 bị vô hiệu, ông đề nghị tất cả không tính phần công sức đóng góp trước đây và yêu cầu chia đều giá trị di sản của cha mẹ cho 10 người con. Di chúc của mẹ ông như đã nêu trên là hợp pháp thì ông công nhận và đề nghị chia theo quy định của pháp luật trên số tài sản còn lại.

Theo các bản khai, biên bản lấy lời khai, Tờ giải trình ngày 07/12/2016, Biên bản về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ ngày 19/6/2018, Biên bản hòa giải không thành ngày 19/6/2018, bị đơn là bà NNS trình bày về quan hệ nhân thân thì đúng như ông NVP đã trình bày, bà xác nhận di sản để chia thừa kế và chia tài sản chung của cha mẹ để lại là Căn nhà số 161G BVĐ, Phường 6, Quận 4, TP Hồ Chí Minh. Cha bà là ông NVL sinh năm 1920 và chết vào năm 1977, mẹ bà là bà BTH sinh năm 1926 và chết vào năm 2011. Bà S đồng ý chia thừa kế và chia tài sản chung của cha mẹ để lại cho 10 người con như số lượng người mà ông Ph đã trình bày. Bà thừa nhận Bản di chúc ngày 22/5/2006 của mẹ bà cho ông NVH phân di sản của mẹ bà. Bà S thống nhất là khi chia không tính phần công sức đóng góp trước đây của tất cả anh chị em vào căn nhà nêu trên. Bà đồng ý với kết quả định giá của Hội đồng định giá theo Biên bản định giá ngày 10/11/2017 thì căn nhà nêu trên có tổng trị giá là 6.369.539.358 đồng. Bà S yêu cầu chia giá trị tài sản theo quy định của pháp luật.

Theo các bản khai, biên bản lấy lời khai, Đơn giải trình ngày 07/12/2016, Biên bản về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ ngày 19/6/2018, Biên bản hòa giải không thành ngày 19/6/2018, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông NVH trình bày về quan hệ nhân thân thì đúng như ông Ph và bà S đã trình bày, ông xác nhận di sản để chia thừa kế và chia tài sản chung của cha

mẹ để lại thì đúng như ông Ph bà S trình bày. Cha ông là ông NVL, mẹ ông là bà BTH có năm sinh và năm chết như ông Ph và bà S đã trình bày. Ông H đồng ý chia thừa kế và chia tài sản chung của cha mẹ để lại cho 10 người con như số lượng người mà ông Ph bà S đã trình bày. Ông đồng ý Bản di chúc ngày 22/5/2006 của mẹ ông cho ông phần di sản của mẹ ông. Ông H thống nhất là khi chia không tính phần công sức đóng góp trước đây của tất cả anh chị em vào căn nhà nêu trên. Ông đồng ý với kết quả định giá của Hội đồng định giá theo Biên bản định giá ngày 10/11/2017 đối với căn nhà nêu trên. Ông H yêu cầu chia theo quy định của pháp luật.

Theo các bản khai, biên bản lấy lời khai, Tờ trình về di chúc ngày 07/12/2016, Biên bản về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ ngày 19/6/2018, Biên bản hòa giải không thành ngày 19/6/2018, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là các ông bà NTT, NTN, NVN (do bà S đại diện theo ủy quyền), BTTH, trình bày về quan hệ nhân thân thì đúng như ông Ph và bà S đã trình bày, các ông bà xác nhận di sản để chia thừa kế và chia tài sản chung của cha mẹ để lại thì đúng như ông Ph bà S trình bày. Các ông bà đồng ý chia thừa kế và chia tài sản chung của cha mẹ để lại cho 10 người con như số lượng người mà ông Ph bà S đã trình bày. Các ông bà thừa nhận Bản di chúc ngày 22/5/2006 của mẹ các ông bà cho ông NVH phần di sản của mẹ các ông bà. Các ông bà thống nhất là khi chia không tính phần công sức đóng góp trước đây của tất cả anh chị em vào căn nhà nêu trên. Các ông bà đồng ý với kết quả định giá của Hội đồng định giá theo Biên bản định giá ngày 10/11/2017 đối với căn nhà nêu trên. Các ông bà T, N, Nm và Hg yêu cầu chia giá trị tài sản theo quy định của pháp luật.

Theo các bản khai, biên bản lấy lời khai, Tờ trình về di chúc ngày 06/12/2016, Biên bản về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ ngày 19/6/2018, Biên bản hòa giải không thành ngày 19/6/2018, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là các ông bà NTM, BMJ (do ông Ph đại diện theo ủy quyền), NTL trình bày là thống nhất với phần trình bày của ông Ph.

Theo Biên bản về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ ngày 19/6/2018, Biên bản hòa giải không thành ngày 19/6/2018, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là các ông VHT, LVP trình bày là thống nhất với phần trình bày của bà S.

Tại phiên tòa,

- Ý kiến của nguyên đơn:

+ Xác nhận ông bà nội, ông bà ngoại của nguyên đơn là đã chết trước cha mẹ của nguyên đơn. Ông VHT và ông LVP là 02 người em rể của nguyên đơn, hiện cư trú tại 161G BVĐ, Phường 6, Quận 4, Thành phố H.

+ Di sản của cha để lại là $\frac{1}{2}$ Căn nhà 161G BVĐ, Phường 6, Quận 4, TP H thì nguyên đơn xác nhận là tài sản chung, chưa chia và không tranh chấp. Đề nghị tất cả anh chị em không tính phần công sức đóng góp trước đây vào căn nhà này.

+ Xác định một lần nữa là không yêu cầu Tòa án tuyên Bản di chúc ngày 22/5/2006 của bà BTH bị vô hiệu nhưng nguyên đơn vẫn yêu cầu chia đều giá trị di sản cho 10 anh chị em như đã nêu trên. Mặc dù, nguyên đơn vẫn biết ông NVH được hưởng thừa kế theo di chúc sẽ có phần hưởng di sản nhiều hơn nhưng ông vẫn yêu cầu chia đều là để thể hiện tính công bằng trong gia đình.

+ Đề nghị chia di sản nêu trên không chia theo hiện vật mà chia theo giá trị. Giá trị di sản nêu trên (Căn nhà 161G BVĐ, Phường 6, Quận 4, Thành phố H) là 6.369.539.358 đồng theo Biên bản định giá ngày 10/11/2017 của Hội đồng định giá. Với trị giá căn nhà nêu trên thì mỗi người sẽ nhận 1/10 giá trị, cụ thể là mỗi người được hưởng 636.953.935,80 đồng tương đương 636.953.936 đồng. Ông xin được nhận nhà này và sẽ thanh toán tiền nêu trên cho 09 anh chị em còn lại, nếu không thì yêu cầu phát mãi nhà và chia đều cho 10 anh chị em.

+ Khi định giá nhà, nguyên đơn đã tạm ứng 2.000.000 đồng để thanh toán cho thành viên Hội đồng định giá. Nguyên đơn tự chịu 200.000 đồng và yêu cầu mỗi người được hưởng di sản còn lại PH thanh toán cho nguyên đơn 200.000 đồng.

- Ý kiến của bị đơn có đại diện theo ủy quyền là bà NTT: Không đồng ý chia đều giá trị di sản cũng như để ông NVP nhận căn nhà nêu trên mà khi chia PH tính đến Bản di chúc ngày 22/5/2006 của mẹ bị đơn. Bị đơn không đồng ý phát mãi nhà để chia đều vì trong các anh chị em còn lại có người muốn nhận nhà. Với cách chia có tính đến di chúc, ông Ph hưởng di sản ít nên không được nhận nhà, còn những ý kiến khác của ông Ph tại phiên tòa này thì bị đơn đồng ý.

- Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông NVH: xác định là ông sẽ nhận phần di sản mà mẹ ông đã để lại theo di chúc cho ông và ông thống nhất với ý kiến của đại diện bị đơn nhưng ông H xin nhận nhà và cam kết thanh toán tiền theo phần cho anh chị em không nhận nhà.

- Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các bà NTT, NTN và BTTH: thống nhất với ý kiến của đại diện bị đơn và ông NVH.

- Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông bà NTM , BMJ do ông Ph đại diện theo ủy quyền: thống nhất với ý kiến của nguyên đơn.

- Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà NTL : Bà thừa nhận Bản di chúc ngày 22/5/2006 của mẹ bà là đúng pháp luật và thống nhất với ý kiến của nguyên đơn.

- Ý kiến thêm của bị đơn có đại diện theo ủy quyền là bà NTT: thống nhất với ý kiến của ông NVH.

- Ý kiến của các ông bà BMJ, NVH, NVP, NNS, NTT, NTN , NTL , NTM , BTTH xác định là các ông bà NNS, NTT, NTN , BTTH, VHT và LVP hiện nay đang ở tại Căn nhà 161G BVĐ, Phường 6, Quận 4, Thành phố TP H.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự đã tuân thủ đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung vụ án thì nguyên đơn rút yêu cầu Tòa án tuyên Bản di chúc ngày 22/5/2006 của bà BTH bị vô hiệu thì đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này. Việc các đương sự đồng ý không tính phần công

sức đóng góp trước đây của các đương sự vào Căn nhà 161G BVĐ, Phường 6, Quận 4, TP H thì đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến này. Căn cứ Bản di chúc ngày 22/5/2006 của bà BTH thì ông H được hưởng toàn bộ di sản của bà Hạnh (gồm ½ giá trị căn nhà và 1 phần trong tài sản chung của ông NVL để lại chưa chia (tài sản chung mà ông Long để lại các bên không có tranh chấp)), còn 09 anh chị em còn lại gồm các ông bà BMJ, NVP, NNS, NVN, NTT, NTN, NTL, NTM, BTTH được hưởng 1 phần trong tài sản chung của ông NVL để lại chưa chia. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn cũng như ý kiến của bà Liễu chia đều giá trị căn nhà cho 10 người là không có cơ sở do không đúng với Điều 646 Bộ Luật dân sự năm 2005, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, các ông bà BMJ, Mai, Liễu. Việc ông NVH có nhu cầu nhận nhà và cam kết thanh toán tiền theo phần cho anh chị em là có căn cứ chấp nhận do ông hưởng phần lớn di sản của cha mẹ ông để lại, đề nghị Hội đồng xét xử giao căn nhà trên cho ông H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào tranh luận của đương sự tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp thừa kế và chia tài sản chung, vụ tranh chấp có đương sự (người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan) ở nước ngoài, tài sản là căn nhà tọa lạc tại 161G BVĐ, Phường 6, Quận 4, Thành phố H, nên căn cứ Khoản 5 Điều 26, Khoản 3 Điều 35, Điều a Khoản 1 Điều 37, Điều c Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Về thời hiệu khởi kiện về thừa kế phần di sản của bà BTH (chết năm 2011) thì vẫn còn đúng theo Điều 645 Bộ Luật dân sự 2005, còn phần di sản của ông NVL (chết năm 1977) là phần tài sản chung chưa chia các bên không có tranh chấp thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện về quyền thừa kế đúng theo Tiết a Điều 2.4 Khoản 2 Mục I của Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình. Bà NNS (đại diện theo ủy quyền cho ông NVN) đi nơi khác, nhưng không để lại địa chỉ nơi mới, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]- Về các yêu cầu và trách nhiệm của các đương sự:

- Căn cứ vào chứng cứ và lời trình bày của đương sự có đủ cơ sở để xác định:

+ Di sản để thừa kế và chia tài sản chung là Căn nhà 161G BVĐ, Phường 6, Quận 4, Thành phố H. Căn nhà này được định giá là 6.369.539.358 đồng theo Biên bản định giá ngày 10/11/2017 của Hội đồng định giá. Chi phí định giá là 2.000.000 đồng.

+ Tất cả đương sự xác định ông bà nội, ông bà ngoại là đã chết trước cha mẹ của các đương sự.

+ Tất cả đương sự xác nhận là $\frac{1}{2}$ căn nhà nêu trên của cha các đương sự (ông NVL) là tài sản chung, chưa chia và không tranh chấp. Tất cả đương sự không tính phần công sức đóng góp trước đây vào căn nhà này.

+ Những đương sự được thừa kế và chia tài sản chung nêu trên, gồm 10 ông bà: BMJ, NVH, NVP, NNS, NVN, NTT, NTN, NTL, NTM, BTTH.

+ Nguyên đơn rút yêu cầu Tòa án tuyên Bản di chúc ngày 22/5/2006 của bà BTH bị vô hiệu và thừa nhận di chúc này là hợp pháp; mặt khác chín (09) đương sự còn lại đều thừa nhận Bản di chúc này là hợp pháp (đại diện theo ủy quyền của ông NVN là bà NNS (bị đơn) thừa nhận tại Biên bản hòa giải không thành ngày 19/6/2018).

+ Các ông bà NNS, NTT, NTN, BTTH, VHT và LVP hiện nay đang ở tại Căn nhà 161G BVĐ, Phường 6, Quận 4, Thành phố H.

- Xét yêu cầu nguyên đơn:

+ Hội đồng xét xử chấp nhận việc nguyên đơn rút yêu cầu Tòa án tuyên Bản di chúc ngày 22/5/2006 của bà BTH bị vô hiệu. Hội đồng xét xử sẽ đình chỉ yêu cầu này.

+ Hội đồng xét xử quyết định trị giá Căn nhà 161G BVĐ, Phường 6, Quận 4, Thành phố H được chia làm 22 phần.

+ Xét yêu cầu của nguyên đơn là giá trị căn nhà được chia đều cho 10 người (10 anh chị em) là để thể hiện tính công bằng trong gia đình là không cơ sở chứng cứ để được chấp nhận toàn bộ, do phần di sản của mẹ nguyên đơn đã cho ông NVH theo Bản di chúc có công chứng Số 1084 Quyền số 01TP/CC-SCC/CK ngày 22/5/2006 của Phòng Công chứng số 1 TP Hồ Chí Minh. Nội dung của di chúc có ghi nhận “NVHsẽ được thừa hưởng di sản thừa kế do tôi để lại là phần thuộc quyền sử dụng của tôi trong quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại số: 161G BVĐ, Phường 6, Quận 4 kê trên. Ngoài NVH ra, tôi không để lại di sản thừa kế của tôi nêu trên cho bất cứ ai khác.”, nên ông H được hưởng phần di sản này đúng theo Điều 631 Điều 646 Bộ Luật dân sự năm 2005.

Vậy, tài sản của cha nguyên đơn để lại là $\frac{1}{2}$ căn nhà tương đương với 11 phần là tài sản chung chưa chia (các bên thừa nhận, không tranh chấp), nên 10 người và mẹ của nguyên đơn được chia đều 11 phần, nghĩa là mỗi người được hưởng 01 phần và mẹ của nguyên đơn được hưởng 01 phần của giá trị căn nhà (tính theo tỷ lệ thì mỗi người được hưởng $\frac{1}{22}$ giá trị căn nhà) đúng Tiết a Điểm 2.4 Khoản 2 Mục I của Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao như đã nêu trên và Điều 224 Bộ Luật dân sự năm 2005. Riêng ông H được hưởng: $\frac{1}{22}$ giá trị căn nhà mà ông được hưởng từ tài sản chung + $\frac{12}{22}$ giá trị căn nhà mà được ông hưởng theo di chúc ($\frac{1}{22}$ giá trị căn nhà mà mẹ ông được hưởng từ tài sản chung + $\frac{11}{22}$ giá trị căn nhà của mẹ ông) = $\frac{13}{22}$ giá trị căn nhà.

Tính cụ thể bằng giá trị theo biên bản định giá:

. Mỗi đương sự gồm: BMJ, NVP, NNS, NVN, NTT, NTN , NTL , NTM và BTTH được hưởng 289.524.516,272 đồng = 6.369.539.358 đồng * 1/22 được tính tròn là 289.524.516 đồng.

. Ông NVH được hưởng 3.763.818.711,54 đồng = 6.369.539.358 đồng * 13/22 được tính tròn là 3.763.818.712 đồng.

+ Việc ông Ph yêu cầu phát mãi ngay căn nhà để chia cho 10 người là không có cơ sở chứng cứ để được chấp nhận do pH chia hiện vật trước nếu không được thì chia bằng tiền theo quy định của pháp luật.

+ Do ông NVH được hưởng phần di sản lớn và có nhu cầu ở căn nhà nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cho ông sở hữu Căn nhà 161G BVĐ, Phường 6, Quận 4, Thành phố H. Ông H có trách nhiệm thanh toán cho 09 người còn lại với số tiền 289.524.516 đồng/người trong một thời gian hợp lý. Quá hạn mà không thanh toán thì pH chịu lãi. Trường hợp ông H thanh toán đầy đủ số tiền trên cho 09 người thì các ông bà NNS, NTT, NTN , BTTH, VHT và LVP có trách nhiệm giao căn nhà nêu trên cho ông H.

+ Việc ông NVP xin được nhận nhà thì như phân tích nêu trên thì không có cơ sở để được chấp nhận do ông Ph chỉ nhận được 1/22 giá trị căn nhà.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn.

- Ý kiến của bị đơn là NNS và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông bà NVH, NTT, NTN , BTTH và VHT thì như phân tích nêu trên ý kiến này có cơ sở chứng cứ để được chấp nhận do đúng với quy định của pháp luật.

- Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông bà BMJ, NTM và NTL thì như phân tích nêu trên ý kiến này không có cơ sở chứng cứ để được chấp nhận toàn bộ do không đúng với quy định của pháp luật.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ để được chấp nhận do đúng với quy định của pháp luật.

[3]- Về chi phí định giá và án phí dân sự sơ thẩm:

- Chín (09) người được hưởng di sản pH thanh toán lại cho nguyên đơn chi phí định giá là 200.000 đồng/người.

- Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí không có giá ngạch trong việc rút yêu cầu tuyên bố di chúc bị vô hiệu.

- Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì mỗi đương sự chịu án phí trên số tiền được hưởng theo phần như đã nêu trên.

- Nguyên đơn, các ông bà BMJ, NTL và NTM không được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ, phần vượt quá đối với phần giá trị được chấp nhận thì theo Điều a Khoản 7 Điều 27, Khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án các đương sự này không pH chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

+ Áp dụng Khoản 5 Điều 26, Khoản 3 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 37, Điểm c Khoản 1 Điều 39, Điều 185 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Áp dụng Điều 224, Điều 305, Điều 631, Điều 645 Bộ Luật dân sự năm 2005;

+ Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009;

+ Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1/- Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông NVP về việc xin tuyên Bản di chúc ngày 22/5/2006 của bà BTH bị vô hiệu.

2/- Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông NVH có trách nhiệm thanh toán cho mỗi ông, bà có tên sau đây: BMJ, NVP, NNS, NVN, NTT, NTN , NTL , NTM , BTTH số tiền được thừa kế và chia tài sản chung chưa chia của Căn nhà 161G BVD, Phường 6, Quận 4, Thành phố H số tiền thừa kế và chia tài sản chung là 289.524.516 (*Hai trăm tám mươi chín triệu năm trăm hai mươi bốn ngàn năm trăm mười sáu*) đồng.

Giao cho ông NVH được quyền sở hữu Căn nhà 161G BVD, Phường 6, Quận 4, Thành phố H.

Thời hạn thanh toán và giao nhà nêu trên chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên bị thi hành án:

- Chưa thanh toán khoản tiền nêu trên thì hàng tháng ông NVH còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

- Khi đã thanh toán đầy đủ mà các ông bà NNS, NTT, NTN , BTTH, VHT và LVP không giao cho ông NVH Căn nhà 161G BVD, Phường 6, Quận 4, Thành phố H thì sẽ bị cưỡng chế theo quy định của pháp luật.

3/- Mỗi ông bà BMJ, NVH, NNS, NVN, NTT, NTN , NTL , NTM , BTTH có trách nhiệm thanh toán ngay cho ông NVP chi phí định giá nhà là 200.000 (*Hai trăm ngàn*) đồng.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4/- Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Hoàn trả cho NVP số tiền tạm ứng án phí không có giá ngạch là 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng theo Biên lai thu số 033831 ngày 27/3/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

- Mỗi ông bà BMJ, NNS, NVN, NTT, NTN , NTL , NTM và BTTH chịu án phí là 14.476.226 (*Mười bốn triệu bốn trăm bảy mươi sáu ngàn hai trăm hai mươi sáu*) đồng.

- Ông NVH chịu án phí là 107.276.374 (*Một trăm lẻ bảy triệu hai trăm bảy mươi sáu ngàn ba trăm bảy mươi bốn*) đồng.

- Ông NVP chịu án phí là 14.476.226 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.600.000 đồng theo Biên lai thu số 09349 ngày 08/10/2015 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Ph còn phải nộp thêm số tiền chênh lệch án phí là 2.876.226 (*Hai triệu tám trăm bảy mươi sáu ngàn hai trăm hai mươi sáu*) đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Riêng các vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- TAND quận Bình Tân;
- Cục THADS TPHCM;
- Chi cục THADS quận Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

Ngô Văn Dũng